|  |  |
| --- | --- |
| TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ TU-VINACOMIN**Số: /BC-VHTC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Quảng ninh, ngày tháng 3 năm 2018* |

**BÁO CÁO**

**Về việc chi trả tiền lương, thù lao**

**của HĐQT, BKS và Người quản lý Công ty**

* + 1. **Chi trả tiền lương, thưởng thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2017:**

 Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin năm 2017; Căn cứ kết quả thanh quyết toán chi phí năm 2017 của Công ty với Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam; Mức tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGĐ Công ty năm 2017 được chi trả như sau:

 *ĐVT: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức danh** | **Số người** | **Tổng số** | **Trong đó** | **Ghi chú**  |
| Lương | Thù lao |
| 1 | Hội đồng Quản trị | 5 | 271,92 |   | 271,92 |  |
| 2 | Ban Kiểm soát | 3 | 488,24 | 392,24 | 96,00 |  |
| 3 | Người quản lý | 7 | 2.369,55 | 2.369,55 |   | 03 người là HĐQT |
| **Tổng số** | **3.129,71** | **2.761,79** | **367,92** |  |

* + 1. **Đề xuất mức tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2018:**

Căn cứ Điều 6, Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền lương đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện nghị định số 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-TKV ngày 23/02/2017 của Tổng Giám đốc Tập đoàn "Về việc quy định mức tiền lương, hệ số giãn cách tiền lương một số vị trí công việc và cơ chế trả lương theo vị trí việc làm áp dụng trong TKV". Theo đó mức tiền lương của Người quản lý doanh nghiệp của Công ty được xếp vào hạng I nhóm II trong bảng Phụ lục 3.1 của Quyết định.

Căn cứ công văn số 1402/TKV-TCNS ngày 03/4/2017 của Tổng Giám đốc Tập đoàn về việc "Hướng dẫn bổ sung một số nội dung về quản lý lao động và tiền lương của TKV". Theo đó mức tiền thù lao cho thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm sẽ được quyết toán và hưởng tối đa bằng 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch của chức danh quản lý chuyên trách. Mức tiền lương thực hiện của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách được quyết toán căn cứ vào kết quả SXKD của Công ty;

Căn cứ công văn số 6059/TKV-KH ngày 20/12/2017 của Tập đoàn về việc thông báo các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch PHKD năm 2018 và Căn cứ mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2017 của Người quản lý và các chỉ tiêu lợi nhuận, năng suất lao động kế hoạch của năm 2018 so với thực hiện năm 2017;

Do vậy Hội đồng quản trị Công ty đề xuất mức tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018 của các chức danh Người quản lý Công ty và tiền thù lao cho HĐQT, BKS và lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách năm 2018 của Công ty, cụ thể như sau:

1. Mức thù lao của các thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chức danh** | **Mức lương** **hạng I nhóm II**(đ/người/tháng) | **Mức thù lao** (đồng/người/tháng) |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 25.700.000 | 25.700.000 x 1 x 20% = 5.140.000 |
| 2 | Uỷ viên HĐQT | 21.900.000 | 21.900.000 x 1 x 20% = 4.380.000 |
| 3 | Trưởng BKS | 21.900.000 | Chuyên trách không hưởng thù lao |
| 4 | Uỷ viên BKS | 20.000.000 | 20.000.000 x 1 x 20% = 4.000.000 |

1. Mức Tiền lương của Người quản lý Công ty và Trưởng BKS:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chức danh** | **Số lượng (người)** | **TL GK 1 tháng theo QĐ279 (1000đ)** | **TLBQ 1 tháng TH năm 2017 (1000đ)** | **TL KH 1 tháng năm 2018 (1000đ)** | **Quỹ lương KH năm 2018 (1000đ)** |
| 1 | Giám đốc | 1 | 24.700 | 37.050 | 37.050 | 444.600 |
| 2 | Phó giám đốc | 4 | 21.900 | 32.850 | 32.850 | 1.576.800 |
| 3 | Kế toán trưởng | 1 | 20.000 | 30.000 | 30.000 | 360.000 |
| 4 | Trưởng BKS | 1 | 21.900 | 32.850 | 32.850 | 394.200 |
|  | **Tổng cộng** | **7** |  |  |  | **2.775.600** |

Tổng mức tiền lương và thù lao Công ty sẽ trả cho các thành viên HĐQT, BKS làm công tác kiêm nhiệm và lương của Người quản lý Công ty, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách trong năm 2018 là: 3.143.520.000đ cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chức danh quản lý** | **Số lượng**(người) | **Tiền thù lao** (đồng/năm) | **Tiền lương** (đồng/năm) |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 01 | 61.680.000 |  |
| 2 | Ủy viên HĐQT | 04 | 210.240.000 |  |
| 3 | Trưởng BKS | 01 | 0 | 394.200.000 |
| 4 | Ủy viên BKS | 02 | 96.000.000 |  |
| 5 | Giám đốc | 01 |  | 444.600.000 |
| 6 | Phó giám đốc | 04 |  | 1.576.800.000 |
| 7 | Kế toán trưởng | 01 |  | 360.000.000 |
| **Tổng cộng** | **367.920.000** | **2.775.600.000** |

* + 1. **Phương thức chi trả:**

Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS và Người quản lý Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao tháng đó; Số còn lại được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

***Nơi nhận:***  **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- HĐQT, BKS, Các cổ đông;  **CHỦ TỊCH**

- Văn phòng (đăng thông tin trên Website)

- Lưu VP, Thư ký Công ty.

 **Phạm Trung Tuấn**